

Số: 1264/TB-TMB

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC -  
VINACOMIN

Mã chứng khoán: TMB

Địa chỉ trụ sở chính: Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, thành  
phố Hà Nội

Điện thoại: 024.38642793

Fax: 024.38642792

Người thực hiện công bố thông tin: Hoàng Minh Long

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin (TMB) đã thực hiện công bố thông tin về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và đăng tải tài liệu Đại hội trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 06/04/2026.

Căn cứ Công văn số 2749/TKV-KSNB ngày 21/04/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) gửi Người đại diện phần vốn của TKV tại TMB trong đó có nội dung định hướng kế hoạch chi trả cổ tức năm 2026, Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin trân trọng công bố thông tin bổ sung đối với tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

**1. Nội dung điều chỉnh**

- **Nội dung đã công bố:** Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2026:  $\geq 20\%$ .

- **Nội dung cập nhật:** Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2026 được điều chỉnh theo định hướng của TKV:  $\geq 10\%$  và sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, quyết định.

**2. Tài liệu điều chỉnh đính kèm:**

Nội dung điều chỉnh nêu trên được cập nhật tại các tài liệu sau:

- Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Tổng Giám đốc.

- Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

### 3. Các nội dung khác

Các nội dung khác của tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã công bố ngày 06/04/2026 không thay đổi.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/04/2026 tại đường dẫn: <http://thanmienbac.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (e-copy để b/c);
- TGD, PTGD (e-copy);
- Đăng tải trang web: <http://thanmienbac.vn>
- Lưu VT, Thư ký Cty.

*Chung*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Minh Long**

No: 1264/TB-TMB

Ha Noi, April 22<sup>th</sup>, 2026

**INFORMATION DISCLOSURE ON THE HANOI STOCK  
EXCHANGE ELECTRONIC PORTAL**

**Attention: - Hanoi Stock Exchange (HNX)**

Name of the company: VINACOMIN - NORTHERN COAL TRADING  
JOINT STOCK COMPANY

Stock symbol: TMB

Address of head office: No 5, Phan Dinh Giot Street, Phuong Liet Ward,  
Hanoi

Tel: 024.38642793 Fax: 024.38642792

Person responsible for information disclosure: Hoang Minh Long

Position: Deputy General Director

Type of disclosed information:  Periodic  **Unscheduled**  24h  Upon request

Northern Coal Trading Joint Stock Company – Vinacomin announces Northern Coal Trading Joint Stock Company – Vinacomin (TMB) has previously disclosed information regarding the organization of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders and published the meeting documents on the Company’s website on April 6, 2026.

Pursuant to Official Letter No. 2749/TKV-KSNB dated April 21, 2026 of Vietnam National Coal and Mineral Industries Holding Corporation Limited addressed to the capital representative of TKV at TMB, which includes guidance on the dividend plan for 2026, Northern Coal Trading Joint Stock Company – Vinacomin hereby discloses additional information to the documents of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders as follows:

**1. Adjustment contents**

- Previously disclosed: Dividend plan for 2026:  $\geq 20\%$ .
- Updated: The dividend plan for 2026 is adjusted in accordance with TKV’s guidance to 10% or higher ( $\geq 10\%$ ), and will be submitted to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

**2. Updated documents attached**

The above adjustment is reflected in the following documents:

- Report on business performance in 2025 and business plan for 2026 of the Chief Executive Officer;

- Draft Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.

### 3. Other contents

All other contents of the documents for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders disclosed on April 6, 2026 remain unchanged.

This information has been published on the Company's website on April 22, 2026 at: <http://thanmienbac.vn>

The Company confirms that the information disclosed above is true and takes full responsibility before the law for the contents of the disclosed information.

**Recipient:**

- As above,
- BOD, BOS.
- CEO, Deputy CEO.
- Website: <http://thanmienbac.vn>
- Archived at Office, Company Secretary



**ON BEHALF OF THE GENERAL DIRECTOR  
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



**Hoang Minh Long**

**BÁO CÁO TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN**  
**VỀ TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**  
**VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026**

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**

**1. Đánh giá chung:**

Năm 2025 là năm có nhiều biến động phức tạp về thời tiết so với các năm, mưa nhiều, lượng mưa lớn nên các nhà máy nhiệt điện đều giảm công suất phát điện, giảm khối lượng nhận than so với kế hoạch ban đầu, dẫn đến khó khăn trong công tác tiêu thụ, gia tăng áp lực than tồn kho đối với TKV nói chung và TMB nói riêng. Được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo TKV, sự giúp đỡ và phối hợp của các ban chuyên môn TKV trong các giải pháp điều hành, hướng dẫn tháo gỡ những vướng mắc phát sinh, TMB đã sớm tổ chức triển khai các nhiệm vụ kế hoạch PHKD năm 2025 ngay từ những ngày đầu quý 1, thực hiện nghiêm kỷ luật điều hành, sắp xếp hệ thống kho bãi, duy trì đảm bảo các nguồn than cho công tác pha trộn và chuẩn bị chân hàng để cung cấp than kịp thời cho các nhà máy nhiệt điện theo kế hoạch tiêu thụ hàng tháng của TKV.

**2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025:**

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	TH/KH (%)
1	<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>				
1.1	Than nhập khẩu	Tấn	6.700.000	4.130.926	62%
1.2	Than tiêu thụ, trong đó:	Tấn	15.591.000	13.855.020	89%
	- Than pha trộn giao TKV bán hộ Điện	Tấn	12.781.000	11.827.907	
	- Than giao lại TKV bán hộ Đạm, khác	Tấn	250.000	227.011	
	- Than tự doanh	Tấn	1.000.000	983.133	
	- Than nhập khẩu bán các cho đơn vị pha trộn	Tấn	1.560.000	816.969	
2	<b>Doanh thu tổng số:</b>	Tr.đồng	<b>42.192.653</b>	<b>30.187.224</b>	<b>72%</b>
2.1	Doanh thu than	"	42.115.863	30.109.963	
2.2	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	70.000	57.244	
2.3	Doanh thu kinh doanh khác	"	6.790	20.016	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	TH/KH (%)
3	<b>Giá vốn mua vào của hàng bán ra</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>40.745.476</b>	<b>28.923.358</b>	<b>71%</b>
3.1	Kinh doanh than	"	40.742.886	28.917.715	
3.2	Kinh doanh khác	"	2.590	5.642	
4	<b>Giá trị sản xuất</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.447.177</b>	<b>1.263.866</b>	<b>87%</b>
4.1	Kinh doanh than	"	1.372.977	1.205.803	
4.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	70.000	57.244	
4.3	Kinh doanh khác	"	4.200	819	
5	<b>Chi phí vận chuyển, bốc xếp bán hàng thuê ngoài</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>823.885</b>	<b>691.153</b>	<b>84%</b>
5.1	Kinh doanh than	"	819.885	691.153	
5.2	Kinh doanh khác	"	4.000		
6	<b>Giá trị sản xuất tính lương (trừ chi phí V/chuyên, bốc xếp bán hàng thuê ngoài)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>623.092</b>	<b>572.713</b>	<b>92%</b>
6.1	Kinh doanh than	"	553.092	514.650	
6.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	70.000	58.063	
7	<b>Tổng chi phí SXKD trong kỳ:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.317.177</b>	<b>1.142.394</b>	<b>87%</b>
7.1	Chi phí trung gian:		1.103.542	932.334	
	<i>Tr.đó: Chi phí V/C, BX bán thuê ngoài:</i>		823.885	691.153	
7.2	Giá trị gia tăng (GDP):		213.635	210.060	
	- Khấu hao tài sản	"	6.303	7.875	
	- Tiền lương		191.632	175.672	
	+ Quỹ lương người lao động	"	188.432	172.949	
	+ Quỹ lương viên chức quản lý	"	3.200	2.723	
	- Bảo hiểm, thù lao HĐQT, BKS	"	10.700	16.605	
	- Thuế (trong giá thành)	"	5.000	9.909	
8	<b>Lợi nhuận:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>130.000</b>	<b>121.472</b>	<b>93%</b>
9	<b>Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương</b>	<b>Tr.đồng</b>			
9.1	Đơn giá tiền lương: (đồng/1.000đ GTSX thuần)	đ/1000đ	302	302	100%
9.2	Lao động bình quân	Người	617	617	100%
	<i>Trong đó: Người lao động</i>	<i>Người</i>	<i>611</i>	<i>611</i>	
	<i>Viên chức quản lý (VCQL)</i>	<i>Người</i>	<i>6</i>	<i>6</i>	
9.3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th			
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	25.882.000	23.727.000	92%
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	25.700.000	23.588.224	92%
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	44.444.000	37.819.444	85%
10	<b>Nộp ngân sách:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>Theo QĐ</b>	<b>1.502.404</b>	
11	<b>Đầu tư XDCB</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>28.989</b>	<b>28.989</b>	<b>100%</b>
12	<b>Tỷ lệ trả cổ tức</b>	<b>%/VĐL</b>	<b>≥ 20</b>	<b>≥ 20</b>	<b>100%</b>

### 3. Tình hình thực hiện các mặt công tác:

#### 3.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo; ban hành các quy chế, quy định:

- Đảng ủy TMB đã triển khai cụ thể hóa Nghị quyết số 212-NQ/ĐU ngày 16/12/2024 của Đảng ủy TKV bằng việc ban hành Nghị quyết số 735-NQ/ĐU ngày 02/01/2025 về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2025; Đảng ủy và Ban Giám đốc tổ chức họp giao ban định kỳ, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, tiêu thụ than và kinh doanh than; Các nghị quyết được ban hành kịp thời về an toàn lao động, cơ giới hoá, tự động hoá, tiết giảm chi phí và nâng cao năng suất; Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra.

- Triển khai Quyết định số 1019/QĐ-TKV ngày 23/5/2025 của TKV về việc “Ban hành Kế hoạch điều hành đáp ứng mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng năm 2025 của Tập đoàn các công ty TKV”, TMB đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về công nghệ pha trộn than, quản trị chi phí, tổ chức điều hành sản xuất linh hoạt; tuy nhiên, do các nguyên nhân như đánh giá phân tích ở trên dẫn đến kết quả thực hiện điều hành các mục tiêu tăng trưởng chưa đạt kế hoạch được giao.

- TMB đã nghiêm túc triển khai Quyết định số 2295/QĐ-TKV ngày 26/11/2024 của TKV về việc ban hành Kế hoạch PHKD năm 2025 của Tập đoàn các công ty TKV, cụ thể: Thực hiện nghiêm sự phối hợp ưu tiên sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của nhau để giúp nhau cùng phát triển, mở rộng thị trường, đạt hiệu quả chung cao nhất theo cơ chế thị trường và không làm tổn hại đến lợi ích của các bên tham gia.

- Báo cáo, xin ý kiến TKV bằng văn bản các vấn đề theo quy định tại Điểm a, khoản 1 Điều 11 Quy chế quản lý Người đại diện trước khi biểu quyết, quyết định tại HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.

- Triển khai các văn bản của TKV đối với Người đại diện tại TMB kịp thời và đúng quy định.

- Về xây dựng, ban hành các quy chế: TMB đã ban hành “Quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh than” và một số quy chế/quy định mới về các nhiệm vụ chuyên môn, đồng thời tiếp tục rà soát, sửa đổi, ban hành bổ sung các quy chế, quy định phù hợp với các quy định mới của Nhà nước, của TKV phù hợp với điều kiện, đặc thù của Công ty.

#### 3.2. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2025:

\* Các giải pháp điều hành đã triển khai thực hiện trong năm 2025:

- TMB đã thực hiện tốt công tác chuẩn bị chân hàng đáp ứng đủ cho nhu cầu pha trộn, đảm bảo khối lượng, chất lượng than pha trộn nhập khẩu theo đúng yêu cầu của TKV, nhập khẩu thành công một số lô than chất bốc thấp trong Quý I/2025 và Quý II/2025 để thay thế cho nguồn than Chùng loại 1 (tương đương than Lào) bị thiếu hụt nên không ảnh hưởng tới khối lượng, chất lượng nguồn than đưa vào pha trộn. ✓

- Hầu hết các hoạt động chế biến, pha trộn than của TMB đều thực hiện thuê ngoài. Do vậy, TMB đặc biệt chú trọng việc lựa chọn các nhà cung cấp có đủ năng lực, có uy tín để đảm bảo việc pha trộn, chế biến than được hiệu quả, đảm bảo chất lượng than sau pha trộn giao cho khách hàng.

- Các điểm pha trộn của TMB đều áp dụng công nghệ pha trộn đồng bộ theo yêu cầu của TKV. Than sau pha trộn phải được tập kết vào đống thành phẩm tại kho và được kiểm tra mẫu đống trước khi xuất tiêu thụ.

- Các đơn vị trực thuộc TMB được yêu cầu bám sát kế hoạch điều hành hàng tháng của TKV để xây dựng phương án pha trộn nhằm đảm bảo tỷ lệ than nhập khẩu vào pha trộn tương đương với kế hoạch. Trường hợp tháng trước thực hiện chưa đạt yêu cầu, tháng sau đơn vị xây dựng phương án pha trộn có cân đối khắc phục tồn tại của tháng trước.

\* Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:

Trong năm 2025, sản lượng huy động của các nhà máy nhiệt điện thường không ổn định và thay đổi so với kế hoạch đầu tháng; Mùa mưa kéo dài so với các năm, tổng lượng mưa lớn bất thường so với lịch sử, nhiều nhà máy giảm công suất phát điện, không nhận hết khối lượng than theo kế hoạch đăng ký, bốc dỡ hàng chậm...khiến than phải tồn lâu trên các phương tiện chờ dỡ hàng, gia tăng áp lực than tồn trên các hệ thống kho bãi,.. kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu không đạt kế hoạch TKV giao đầu năm, cụ thể:

- Than nhập khẩu: thực hiện 4,13 triệu tấn đạt 62% kế hoạch, do TMB thực hiện theo kế hoạch điều hành của TKV;

- Than tiêu thụ: thực hiện 13,85 triệu tấn đạt 89% kế hoạch, do các Nhà máy Nhiệt điện giảm công suất phát điện, giảm khối lượng nhận than so với kế hoạch đăng ký và TKV điều hành giảm kế hoạch tiêu thụ;

- Chỉ tiêu doanh thu: Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2025 của TMB là 30.178 tỷ đồng, bằng 72% kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu do: (i) chỉ tiêu than nhập khẩu và than tiêu thụ đạt thấp hơn kế hoạch; (ii) trong năm 2025 TKV thay đổi giảm giá bán một số chủng loại than đưa vào pha trộn và giảm giá bán than sau pha trộn giao hộ điện so với giá than tại thời điểm giao kế hoạch đầu năm;

- Chỉ tiêu lợi nhuận: Lợi nhuận thực hiện cả năm 2025 đạt 121,47 tỷ đồng, bằng 93% kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu do: (i) sản lượng than nhập khẩu, than tiêu thụ và doanh thu chỉ đạt từ 62% đến 89% kế hoạch; (ii) một số chi phí phát sinh so với hướng dẫn không được quyết toán trong giá mua bán than pha trộn;

- Chỉ tiêu tiền lương: Do chỉ tiêu lợi nhuận không đạt kế hoạch nên quỹ tiền lương TMB hạch toán vào chi phí trong năm 2025 theo đơn giá kế hoạch là 175,67 tỷ đồng, bằng 92% kế hoạch; tương ứng chỉ tiêu tiền lương bình quân chung toàn công ty là 23,73 triệu đồng/người-tháng, bằng 92% kế hoạch.

\* Công tác quản lý tài nguyên, môi trường:

TMB luôn đảm bảo an toàn về môi trường trong quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh, tuân thủ các quy định của địa phương về bảo vệ môi trường đối với

SXKD than, các kho than gần khu vực dân sinh đều được che phủ và xử lý bụi, vận chuyển than theo đúng luồng tuyến cho phép, phương tiện vận chuyển được che phủ để tránh rơi than, phát tán bụi ra môi trường làm ô nhiễm môi trường. Năm 2025 TMB đã triển khai công tác trồng cây xanh, mua sắm bạt, lưới che than, thường xuyên tổ chức dọn vệ sinh, duy trì tốt hệ thống phun sương dập bụi tại các kho than và khu vực pha trộn, chế biến than với tổng giá trị thực hiện trên 8,7 tỷ đồng. Điểm chấm theo tiêu chí Môi trường Xanh - Sạch - Đẹp của Công ty năm 2025 là: 93/100 điểm.

**\* Công tác chuyển đổi số:**

Trong năm 2025, TMB tiếp tục triển khai và đẩy mạnh các nhiệm vụ chuyển đổi số theo định hướng chung của TKV. Công tác chuyển đổi số được triển khai đồng bộ trên các lĩnh vực quản lý, điều hành, kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực quản trị điều hành của Công ty.

**\* Công tác lao động, tiền lương:**

- Công ty chỉ đạo thực hiện đầy đủ công tác quản lý lao động, biên chế, tiền lương và thu nhập theo đúng quy chế của TKV và TMB, đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu tiết giảm chi phí, tinh giản lao động, tăng năng suất và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Toàn bộ chế độ, chính sách đối với người lao động được thực hiện đúng quy định. Công ty bảo đảm đầy đủ các quyền lợi về bảo hiểm, nghỉ phép, chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động... tạo sự yên tâm, gắn bó của người lao động.

- Công tác chi trả tiền lương, tiền thưởng được thực hiện kịp thời, đúng quy định, gắn với hiệu quả công việc. Vào các dịp lễ, Tết, Công ty đều bổ sung quỹ tiền lương phù hợp nhằm động viên người lao động, tạo khí thế thi đua và tinh thần làm việc tích cực. Ngoài ra, việc nâng bậc lương và chuyển xếp lương được thực hiện đúng quy chế, đảm bảo công bằng và tạo động lực cho người lao động nâng cao trình độ, kỹ năng nghề.

**\* Công tác An toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ (ATVSLĐ, PCCN):**

Công ty luôn duy trì công tác an toàn lao động, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, vệ sinh công nghiệp và bảo vệ môi trường trong trạng thái nghiêm túc. Các biện pháp an toàn được triển khai đồng bộ từ cơ quan điều hành đến các đơn vị. Nhờ vậy, trong năm 2025 Công ty không để xảy ra tai nạn lao động, không có sự cố cháy nổ hay thiệt hại về người và tài sản, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, ổn định và bền vững.

**3.3. Tình hình kết quả hoạt động đầu tư xây dựng:**

- Tổng giá trị ĐTXD của TMB thực hiện cả năm 2025 là 28,99 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch.

- Tình hình triển khai các dự án trọng điểm:

(i) Dự án Cảng thủy nội địa Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin để cung cấp than phục vụ nhu cầu của các nhà máy nhiệt điện (Cảng Đông Hải):

- Tiến độ dự án: Hiện tại Ban quản lý khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên đang tổng hợp ý kiến và tiến hành thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

- Khó khăn, vướng mắc: Dự án Cảng thủy nội địa Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin để cung cấp than phục vụ nhu cầu của các nhà máy nhiệt điện (Cảng Đông Hải): Theo Quyết định số 1587/QĐ-TTg ngày 17/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cụm cảng của dự án được phê duyệt với công suất 3.650.000 Tấn/năm, tuy nhiên để đảm bảo cung cấp than cho 02 Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1 và Thái Bình 2, dự án đề xuất công suất cảng là 10.000.000 Tấn/năm (5.000.000 tấn hàng nhập, 5.000.000 tấn hàng xuất). Do vậy phải xem xét điều chỉnh Quy hoạch công suất cảng tại Quyết định số 1587/QĐ-TTg ngày 17/12/2024; Hiện nay chưa thống nhất được địa điểm xây dựng Kho chứa và phối trộn than.

(ii) Dự án Kho trung chuyển, chế biến và kinh doanh than Quảng Trị:

- Tiến độ dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 21/11/2025 về việc Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000; Ban quản lý khu kinh tế đang tổng hợp ý kiến các Sở, ngành của tỉnh và UBND xã Mỹ Thủy, xã Vĩnh Định để phục vụ công tác thẩm định Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, giai đoạn 1; TMB đang phối hợp cùng đơn vị tư vấn để triển khai bước tiếp theo.

- Khó khăn, vướng mắc: Do quy trình thẩm định hồ sơ và thủ tục phải trải qua nhiều cấp quản lý khác nhau như các sở, ban, ngành liên quan và Bộ Xây dựng, nên TMB chưa thể chủ động kiểm soát tiến độ thực hiện các công việc của dự án. Việc phụ thuộc vào thời gian xử lý của các cơ quan chức năng đã ảnh hưởng đáng kể đến kế hoạch triển khai và tiến độ tổng thể của dự án.

### **3.4. Đánh giá về tồn tại, hạn chế và biện pháp khắc phục:**

\* Về tồn tại, hạn chế:

- Xu hướng chuyển dịch nguồn năng lượng sẽ dẫn đến giảm dần tỷ trọng sử dụng than trong cơ cấu nguồn năng lượng của nền kinh tế, làm giảm dần tính cạnh tranh của than so với các nguồn năng lượng mới khác.

- Nguồn cung than trong nước ngày càng hạn chế dẫn đến sự phụ thuộc nhiều hơn vào than nhập khẩu cho công tác pha trộn. Đồng thời hoạt động tự doanh than trong nước có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh từ các nguồn than nhập khẩu.

- Những biến động về địa chính trị, nguy cơ chiến tranh thương mại... có thể gây nên những tác động lớn đối với nền kinh tế thế giới trong đó có Việt Nam.

- Mạng lưới kinh doanh của TMB gồm nhiều chi nhánh trực thuộc tại các địa phương đã tồn tại từ giai đoạn trước đây, trong đó một số chi nhánh hiện đã hoạt động kém hiệu quả do lượng khách hàng sử dụng than tại địa phương không còn

nhiều, sản lượng bán thấp, khó đảm bảo chi phí hoạt động; kho bãi và các dịch vụ logistic, pha trộn, chế biến hầu hết là đi thuê nên còn manh mún, chưa đồng bộ, chưa phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn.

\* Biện pháp khắc phục:

- Tiếp tục rà soát, đánh giá lại toàn bộ bộ máy hiện hữu, xác định định biên lao động theo mô hình chuẩn.

- Nâng cao năng lực dự báo, tầm nhìn chiến lược để xây dựng phương hướng phát triển linh hoạt, tăng cường kỹ năng xử lý tình huống thích ứng với thực tế.

## PHẦN THỨ HAI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

### 1. Nhận định tình hình:

TMB là đơn vị có bề dày kinh nghiệm trong hoạt động chế biến kinh doanh than, có hệ thống kho bãi và mạng lưới khách hàng rộng lớn nên đáp ứng được với các nhiệm vụ TKV giao và thích nghi được sự thay đổi của thị trường.

### 2. Các chỉ tiêu điều hành năm 2026:

Trên cơ sở Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2026 và Thông báo kế hoạch đầu tư năm 2026 của TKV tại các văn bản số 7138/TKV-KH ngày 12/12/2025 và số 7220/TKV-ĐT ngày 15/12/2025, TMB xây dựng các chỉ tiêu điều hành năm 2026 như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>		
1.1	Than nhập khẩu	Tấn	5.500.000
1.2	Than tiêu thụ, trong đó:	Tấn	15.013.000
	- Than pha trộn giao TKV để bán hộ Điện	Tấn	12.454.000
	- Than giao lại TKV để bán hộ Đạm	Tấn	268.000
	- Than tự doanh	Tấn	761.000
	- Than nhập khẩu bán cho các đơn vị pha trộn	Tấn	1.530.000
<b>2</b>	<b>Doanh thu tổng số:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>33.075.097</b>
2.1	Doanh thu than	"	32.998.097
2.2	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	70.000
2.3	Doanh thu kinh doanh khác	"	7.000
<b>3</b>	<b>Giá vốn mua vào của hàng bán ra</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>31.581.425</b>
3.1	Kinh doanh than	"	31.578.625
3.2	Kinh doanh khác	"	2.800
<b>4</b>	<b>Giá trị sản xuất</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.493.672</b>
4.1	Kinh doanh than	"	1.419.472

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
4.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	70.000
4.3	Kinh doanh khác	"	4.200
<b>5</b>	<b>Chi phí vận chuyển, bốc xếp bán hàng thuê ngoài</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>805.150</b>
5.1	Kinh doanh than	"	805.150
5.2	Kinh doanh khác	"	0
<b>6</b>	<b>Giá trị sản xuất tính lương (trừ chi phí vận chuyển, bốc xếp bán hàng thuê ngoài)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>688.522</b>
6.1	Kinh doanh than	"	614.322
6.2	Kinh doanh khác	"	74.200
<b>7</b>	<b>Tổng chi phí SXKD trong kỳ:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.357.189</b>
7.1	Chi phí trung gian:		962.254
7.2	Chi phí tài chính:		178.771
7.3	Giá trị gia tăng (GDP):		216.164
	- Khấu hao tài sản	"	9.484
	- Tiền lương		179.210
	+ Quỹ lương người lao động	"	176.627
	+ Quỹ lương viên chức quản lý	"	2.583
	- Bảo hiểm, thù lao HĐQT, BKS	"	16.670
	- Thuế (trong giá thành)	"	10.800
<b>8</b>	<b>Tổng lợi nhuận:</b>		<b>136.483</b>
<b>9</b>	<b>Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương</b>		
9.1	Đơn giá tiền lương: (đ/1.000đ GTSX không gồm thuê ngoài)	đ/1000đ	257
9.2	Lao động bình quân	Người	586
	<i>Trong đó: Người lao động</i>	<i>Người</i>	<i>581</i>
	<i>Viên chức quản lý (VCQL)</i>	<i>Người</i>	<i>5</i>
9.3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	25.478.000
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	25.327.000
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	43.054.000
<b>10</b>	<b>Nộp ngân sách:</b>	<b>Theo qui định hiện hành</b>	
<b>11</b>	<b>Đầu tư XDCB</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>12.353</b>
<b>12</b>	<b>Tỷ lệ trả cổ tức</b>	<b>%/VĐL</b>	<b>≥ 10</b>

**\* Các giải pháp tổ chức thực hiện.**

- Thực hiện nghiêm các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về hoạt động kinh doanh than.

- Tiếp tục tái cơ cấu tổ chức bộ máy cho phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện tại và các năm tiếp theo theo đề án đã báo cáo TKV.

- Tăng cường quản lý công tác pha trộn than để đảm bảo khối lượng, chất lượng than pha trộn giao lại TKV.

- Tiếp tục quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm: quản trị tỷ giá, môi trường, an toàn tài sản, an toàn lao động, năng suất lao động...đẩy mạnh các giải pháp tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các khâu pha trộn, chế biến, tiêu thụ than.

- Triển khai công tác nhập khẩu than để đảm bảo đáp ứng cho nhu cầu pha trộn, chế biến than theo đúng kế hoạch điều hành của TKV.

- Tăng cường công tác quản lý sử dụng kho than, rà soát và hoàn thiện đầy đủ thủ tục pháp lý về cảng, bến và các quy định có liên quan khác theo quy định của pháp luật và của TKV.

- Đẩy mạnh việc áp dụng chuyển đổi số, công nghệ số trong công tác quản trị và điều hành theo định hướng của Chính phủ, các Bộ, Ngành và TKV.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

TỔNG GIÁM ĐỐC ✓  
  
  
Ngô Quang Trung



**REPORT TO THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS  
ON THE REVIEW OF BUSINESS PRODUCTION AND OPERATIONS IN 2025  
AND THE BUSINESS PRODUCTION AND OPERATIONS PLAN FOR 2026**

**PART I**

**REVIEW OF BUSINESS PRODUCTION AND OPERATIONS IN 2025**

**1. General assessment:**

In 2025, weather conditions were unusually complex compared to previous years, with prolonged and heavy rainfall. As a result, thermal power plants reduced their electricity generation output and decreased coal intake compared to initial plans, leading to difficulties in coal consumption and increased inventory pressure for Vietnam National Coal and Mineral Industries Group in general and Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin in particular.

With the close direction and support from the leadership of Vietnam National Coal and Mineral Industries Group, along with the coordination and assistance from its functional departments in implementing management solutions and addressing arising issues, Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin promptly organized and deployed its 2025 business coordination plan (PHKD) from the early days of the first quarter. The Company strictly maintained operational discipline, reorganized its warehouse system, ensured stable coal supply sources for blending activities, and prepared sufficient stockpiles to timely supply coal to thermal power plants in accordance with Vietnam National Coal and Mineral Industries Group's monthly consumption plans.

**2. Results of implementation of 2025 planned targets:**

No.	Indicator	Unit	Plan year 2025	Actual 2025	Actual /Plan (%)
1	Production Volume				
1.1	Imported coal	Tons	6,700,000	4,130,926	62
1.2	Coal sales volume, including:	Tons	15,591,000	13,855,020	89
	- Blended coal delivered to TKV for on-behalf sales to power plants	Tons	12,781,000	11,827,907	
	- Coal redelivered to TKV for on-behalf sales to fertilizer plants and others	Tons	250,000	227,011	
	- Self-operated coal sales	Tons	1,000,000	983,133	
	- Imported coal sold to blending units	Tons	1,560,000	819,969	

2	Total revenue	VND million	42,192,653	30,187,224	72
2.1	Coal sales revenue		42,115,863	30,109,963	
2.2	Entrusted service revenue (large-volume contracts)		70,000	57,244	
2.3	Other business revenue		6,790	20,016	
3	Cost of goods sold	VND million	40,745,476	28,923,358	71
3.1	Coal trading		40,742,886	28,917,715	
3.2	Other business activities		2,590	5,642	
4	Gross profit	VND million	1,447,177	1,263,866	87
4.1	Coal trading		1,372,977	1,205,803	
4.2	Entrusted coal delivery services (large-volume)		70,000	57,244	
4.3	Other business activities		4,200	819	
5	Outsourced transportation and handling expenses	VND million	823,885	691,153	84
5.1	Coal trading		819,885	691,153	
5.2	Other business activities		4,000		
6	Production value for payroll calculation	VND million	623,092	572,713	92
6.1	Coal trading		553,092	514,650	
6.2	Entrusted coal delivery services (large-volume)		70,000	58,063	
7	Total expenses	VND million	1,317,177	1,142,394	87
7.1	Intermediate costs:		1,103,542	932,334	
	Of which: Outsourced transportation and handling (loading/unloading) costs:		823,885	691,153	
7.2	<b>Value added (GDP):</b>		213,665	210,060	
	Depreciation of fixed assets		6,303	7,875	
	Salaries and wages		191,632	175,672	
	Employee payroll fund		188,432	172,949	
	Management payroll fund		3,200	2,723	
	Insurance expenses; remuneration of the Board of Directors and the Supervisory Board		10,700	16,605	
	Taxes (included in cost of production)		5,000	9,909	
8	Profit	VND million	130,000	121,472	93
9	Labor and salary indicators				
9.1	Average number of employees	Persons	617	617	100
9.2	Average monthly salary	VND/pers on/month	25,882,000	23,727,000	92

10	State budget contributions:		As prescribed	1,502,404	
11	Capital construction investment	VND million	28,989	28,989	100
12	Dividend payout ratio	% of charter capital	≥ 20	≥ 20	100

### 3. Implementation status of key operational areas:

#### 3.1. Leadership, direction, and issuance of regulations and policies:

The Party Committee of Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin concretized Resolution No. 212-NQ/ĐU dated December 16, 2024 of the Party Committee of Vietnam National Coal and Mineral Industries Group by issuing Resolution No. 735-NQ/ĐU dated January 2, 2025 on leadership and direction for implementing the 2025 tasks. The Party Committee and the Board of Management held regular briefings to promptly direct the resolution of difficulties in coal production, consumption, and trading. Resolutions were issued in a timely manner on labor safety, mechanization, automation, cost reduction, and productivity improvement. Inspection and supervision were strengthened to ensure progress in line with the planned schedule.

In implementing Decision No. 1019/QĐ-TKV dated May 23, 2025 of Vietnam National Coal and Mineral Industries Group on promulgating the operational plan to achieve the Group's 2025 growth targets, Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin deployed comprehensive and decisive solutions in coal blending technology, cost management, and flexible production operations. However, due to the reasons analyzed above, the implementation results of the growth targets did not meet the assigned plan.

Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin strictly implemented Decision No. 2295/QĐ-TKV dated November 26, 2024 of Vietnam National Coal and Mineral Industries Group on the 2025 business coordination plan of the TKV Group. Specifically, the Company strictly adhered to the principle of prioritizing the use of each other's products and services to support mutual development, expand markets, and achieve optimal overall efficiency under market mechanisms without harming the interests of participating parties.

The Company reported to and sought written opinions from Vietnam National Coal and Mineral Industries Group on matters as prescribed in Point a, Clause 1, Article 11 of the Regulations on management of capital representatives prior to voting or making decisions at the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders.

Documents issued by Vietnam National Coal and Mineral Industries Group for its representatives at Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin were implemented promptly and in compliance with regulations.

Regarding the development and issuance of internal regulations: Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin issued the "Regulation on



Organization of Coal Trading Activities” and several new regulations/policies for specialized tasks, while continuing to review, amend, and supplement regulations to ensure compliance with new legal requirements and those of Vietnam National Coal and Mineral Industries Group, in line with the Company’s specific conditions and characteristics.

### **3.2. Assessment of business production and operating results in 2025:**

#### **Implemented management solutions in 2025:**

Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin effectively prepared coal sources to fully meet blending requirements, ensuring both volume and quality of imported blended coal in accordance with the requirements of Vietnam National Coal and Mineral Industries Group. The Company successfully imported several low-volatile coal shipments in Q1 and Q2 of 2025 to replace the shortage of Type 1 coal (equivalent to Lao coal), thereby not affecting the volume and quality of coal used for blending.

Most coal processing and blending activities of Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin were outsourced. Therefore, the Company placed special emphasis on selecting capable and reputable suppliers to ensure efficient blending and processing, as well as the quality of coal delivered to customers after blending.

All blending sites of Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin applied synchronized blending technologies as required by Vietnam National Coal and Mineral Industries Group. After blending, coal was stockpiled as finished products at warehouses and subjected to pile sampling inspection before being released for consumption.

Subsidiary units of Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin were required to closely follow the monthly operational plans of Vietnam National Coal and Mineral Industries Group to develop blending plans, ensuring that the ratio of imported coal used in blending aligned with the plan. In cases where targets were not met in a given month, corrective balancing measures were incorporated into the following month’s plan.

#### **Results of key performance indicators:**

In 2025, the dispatch output of thermal power plants was unstable and frequently deviated from initial monthly plans. The prolonged rainy season and unusually high rainfall compared to historical patterns led many plants to reduce electricity generation, accept less coal than planned, and delay unloading operations. This resulted in prolonged storage of coal on transport vehicles, increased inventory pressure at storage facilities, and ultimately caused key performance indicators to fall short of the targets assigned by Vietnam National Coal and Mineral Industries Group, specifically:

**Imported coal:** 4.13 million tons, achieving 62% of the plan, in line with Vietnam National Coal and Mineral Industries Group’s operational plan.

**Coal sales volume:** 13.85 million tons, achieving 89% of the plan, due to reduced electricity generation by thermal power plants and adjustments in consumption plans by Vietnam National Coal and Mineral Industries Group.

**Revenue:** Total revenue and other income in 2025 reached VND 30,178 billion, equivalent to 72% of the plan, mainly due to: (i) lower-than-planned imported coal and sales volumes; and (ii) adjustments by Vietnam National Coal and Mineral Industries Group to reduce selling prices of certain coal types used for blending and blended coal supplied to power plants compared to initial plan prices.

**Profit:** Full-year profit reached VND 121.47 billion, achieving 93% of the plan, mainly due to: (i) imported coal volume, sales volume, and revenue reaching only 62%–89% of the plan; and (ii) certain incurred costs not being accepted for settlement in the pricing of blended coal transactions.

**Labor cost:** Due to profit not meeting the plan, the salary fund recognized in costs for 2025 was VND 175.67 billion, achieving 92% of the plan; the average monthly income across the Company was VND 23.73 million per employee, also achieving 92% of the plan.

**Resource and environmental management:**

Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin consistently ensured environmental safety throughout its production and business operations, strictly complying with local environmental protection regulations applicable to coal operations coal production and business operations. Coal stockyards located near residential areas were fully covered and equipped with dust control measures; coal transportation strictly followed approved routes; and transport vehicles were properly covered to prevent coal spillage and dust dispersion into the environment.

In 2025, Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin implemented tree planting programs, procured tarpaulins and coal covering nets, regularly organized sanitation activities, and effectively maintained mist-spraying systems for dust suppression at coal stockyards and blending/processing areas, with a total expenditure of over VND 8.7 billion. The Company achieved a score of 93/100 under the “Green – Clean – Beautiful” environmental criteria in 2025.

**Digital transformation:**

In 2025, Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin continued to implement and accelerate digital transformation initiatives in line with the overall direction of Vietnam National Coal and Mineral Industries Group. These efforts were carried out comprehensively across management, operations, and business activities, contributing to improved production efficiency and enhanced corporate governance capacity.

**Labor and remuneration:**

The Company directed the full implementation of labor management, staffing, wages, and income in compliance with the regulations of Vietnam National Coal and Mineral Industries Group and Northern Coal Trading Joint

Stock Company - Vinacomin, with a strong focus on cost reduction, workforce optimization, productivity improvement, and operational efficiency.

All employee policies and benefits were implemented in full compliance with regulations. The Company ensured comprehensive entitlements, including insurance, leave, sickness, maternity, and occupational accident benefits, fostering employee confidence and long-term commitment.

Salary and bonus payments were made in a timely and compliant manner, linked to work performance. During holidays and Tet, the Company supplemented the salary fund appropriately to motivate employees and promote a positive and competitive working spirit. In addition, salary grade increases and adjustments were carried out in accordance with regulations, ensuring fairness and encouraging employees to enhance their qualifications and professional skills.

Occupational safety, hygiene, and fire prevention (OSH & fire safety): The Company consistently maintained strict practices in occupational safety, labor protection, fire and explosion prevention, storm and flood prevention, industrial hygiene, and environmental protection. Safety measures were implemented comprehensively from the executive level to all units. As a result, in 2025, the Company recorded no occupational accidents, no fire or explosion incidents, and no damage to people or assets, ensuring safe, stable, and sustainable business operations.

### **3.3. Status of construction investment activities:**

The total value of construction investment implemented by Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin in 2025 reached VND 28.99 billion, achieving 100% of the plan.

Implementation status of key projects:

(i) Inland waterway port project of Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin to supply coal for thermal power plants (Dong Hai Port):

**Project progress:** Currently, the Management Board of Economic Zones and Industrial Parks of Hung Yen Province is consolidating opinions and conducting appraisal procedures for investment policy approval.

**Difficulties and challenges:** According to Decision No. 1587/QĐ-TTg dated December 17, 2024 of the Prime Minister approving the adjustment of the inland waterway infrastructure development plan for the period 2021–2030 with a vision to 2050, the port cluster under the project is approved with a capacity of 3.65 million tons/year. However, to ensure coal supply for Thai Binh 1 and Thai Binh 2 thermal power plants, the project proposes a capacity of 10 million tons/year (5 million tons of inbound cargo and 5 million tons of outbound cargo). Therefore, it is necessary to consider adjusting the planned port capacity under Decision No. 1587/QĐ-TTg. In addition, the location for the coal storage and blending yard has not yet been finalized.

(ii) Coal transshipment, processing, and trading warehouse project in Quang Tri:

**Project progress:** The People's Committee of Quang Tri Province issued Decision No. 2745/QĐ-UBND dated November 21, 2025 on the partial adjustment of the general construction planning of the Southeast Quang Tri Economic Zone to 2035, with a vision to 2050 (scale 1/10,000). The Economic Zone Management Board is currently collecting opinions from provincial departments, agencies, and local authorities (My Thuy and Vinh Dinh communes) to serve the appraisal of the phase-1 zoning plan adjustment. Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin is coordinating with consulting units to implement the next steps.

**Difficulties and challenges:** Due to the appraisal process and administrative procedures involving multiple levels of authorities, including various departments, agencies, and the Ministry of Construction, Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin has not been able to proactively control the project implementation schedule. Dependence on the processing time of competent authorities has significantly affected the project timeline and overall progress.

### **3.4. Assessment of shortcomings, limitations, and remedial measures:**

#### **Shortcomings and limitations:**

The global energy transition trend is gradually reducing the share of coal in the overall energy mix of the economy, thereby diminishing the competitiveness of coal compared to alternative energy sources.

Domestic coal supply is increasingly constrained, leading to greater dependence on imported coal for blending activities. At the same time, domestic coal trading operations may face increasing competition from imported coal sources.

Geopolitical fluctuations and the risk of trade wars may have significant impacts on the global economy, including Vietnam.

The business network of Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin includes multiple branches established in earlier periods, some of which are now operating inefficiently due to declining local demand, low sales volumes, and difficulty in covering operating costs. Additionally, most warehouses and logistics, blending, and processing services are outsourced, resulting in fragmented and unsynchronized operations that are not aligned with long-term development strategies.

#### **Remedial measures:**

Continue reviewing and comprehensively evaluating the existing organizational structure, and determine optimal workforce sizing based on a standardized model.

Enhance forecasting capabilities and strategic vision to develop flexible development orientations, while strengthening responsiveness and adaptability to real-world conditions.

## PART II

### BUSINESS PRODUCTION AND OPERATIONS PLAN FOR 2026

#### 1. Situation assessment:

Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin is an enterprise with extensive experience in coal processing and trading, possessing a well-established warehouse system and a broad customer network. Therefore, it is capable of fulfilling the tasks assigned by Vietnam National Coal and Mineral Industries Group and adapting to market changes.

#### 2. Key operating targets for 2026:

Based on the notifications of key targets for the 2026 business coordination plan and the 2026 investment plan issued by Vietnam National Coal and Mineral Industries Group under Documents No. 7138/TKV-KH dated December 12, 2025 and No. 7220/TKV-ĐT dated December 15, 2025, Northern Coal Trading Joint Stock Company - Vinacomin has developed the following operating targets for 2026:

No.	Indicator	Unit	Plan year 2026
1	Production Volume		
1.1	Imported coal	Tons	5,500,000
1.2	Coal sales volume, including:	Tons	15,013,000
	- Blended coal delivered to TKV for on-behalf sales to power plants	Tons	12,454,000
	- Coal redelivered to TKV for on-behalf sales to fertilizer plants and others	Tons	268,000
	- Self-operated coal sales	Tons	761,000
	- Imported coal sold to blending units	Tons	1,530,000
2	Total revenue	VND million	33,075,097
2.1	Coal sales revenue		32,998,097
2.2	Entrusted service revenue (large-volume contracts)		70,000
2.3	Other business revenue		7,000
3	Cost of goods sold	VND million	31,581,425
3.1	Coal trading		31,578,625
3.2	Other business activities		2,800
4	Gross profit	VND million	1,493,672
4.1	Coal trading		1,419,472
4.2	Entrusted coal delivery services (large-volume)		70,000
4.3	Other business activities		4,200
5	Outsourced transportation and handling expenses	VND million	805,150
5.1	Coal trading		805,150

No.	Indicator	Unit	Plan year 2026
5.2	Other business activities		0
6	Production value for payroll calculation	VND million	688,522
6.1	Coal trading		614,322
6.2	Entrusted coal delivery services (large-volume)		74,200
7	Total expenses	VND million	1,357,189
7.1	Intermediate costs:		962,254
7.2	Financial expenses		178,771
7.3	<b>Value added (GDP):</b>		216,164
	Depreciation of fixed assets		9,484
	Salaries and wages		179,210
	Employee payroll fund		176,627
	Management payroll fund		2,583
	Insurance expenses; remuneration of the Board of Directors and the Supervisory Board		16,670
	Taxes (included in cost of production)		10,800
8	Profit	VND million	136,483
9	Labor and salary indicators		
9.1	Average number of employees	Persons	586
9.2	Average monthly salary	VND/person/month	25.478.000
10	State budget contributions:		As prescribed
11	Capital construction investment	VND million	12,353
12	Dividend payout ratio	% of charter capital	≥ 10

#### Implementation solutions:

Strictly comply with the regulations of Vietnam National Coal and Mineral Industries Group regarding coal business operations.

Continue restructuring the organizational model to align with current and future business conditions in accordance with the restructuring plan reported to Vietnam National Coal and Mineral Industries Group.

Strengthen management of coal blending activities to ensure the volume and quality of blended coal delivered back to Vietnam National Coal and Mineral Industries Group.

Continue to enhance risk management in business operations, including exchange rate risk, environmental risk, asset safety, occupational safety, and labor productivity; promote cost-saving measures and strictly control costs from input to output across all stages of coal blending, processing, and consumption.

Implement coal import activities to ensure sufficient supply for blending and processing in accordance with Vietnam National Coal and Mineral Industries Group's operational plan.

Strengthen management of coal warehouse utilization; review and complete all legal procedures related to ports, terminals, and other relevant regulations in



compliance with legal requirements and those of Vietnam National Coal and Mineral Industries Group.

Promote the application of digital transformation and digital technologies in management and operations in line with the directions of the Government, ministries, sectors, and Vietnam National Coal and Mineral Industries Group.

Respectfully submitted to the General Meeting of Shareholders for approval!



**GENERAL DIRECTOR**

**Ngo Quang Trung**

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;  
Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty được thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các nội dung chủ yếu như sau:

**1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2025:**

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	TH/KH (%)
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>				
1.1	Than nhập khẩu	Tấn	6.700.000	4.130.926	62%
1.2	Than tiêu thụ, trong đó:	Tấn	15.591.000	13.855.020	89%
	- Than pha trộn giao TKV bán hộ Điện	Tấn	12.781.000	11.827.907	
	- Than giao lại TKV bán hộ Đạm, khác	Tấn	250.000	227.011	
	- Than tự doanh	Tấn	1.000.000	983.133	
	- Than nhập khẩu bán các cho đơn vị pha trộn	Tấn	1.560.000	816.969	
<b>2</b>	<b>Doanh thu tổng số:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>42.192.653</b>	<b>30.187.224</b>	<b>72%</b>
2.1	Doanh thu than	"	42.115.863	30.109.963	
2.2	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	70.000	57.244	
2.3	Doanh thu kinh doanh khác	"	6.790	20.016	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	TH/KH (%)
3	<b>Giá vốn mua vào của hàng bán ra</b>	Tr.đồng	40.745.476	28.923.358	71%
3.1	Kinh doanh than	"	40.742.886	28.917.715	
3.2	Kinh doanh khác	"	2.590	5.642	
4	<b>Giá trị sản xuất</b>	Tr.đồng	1.447.177	1.263.866	87%
4.1	Kinh doanh than	"	1.372.977	1.205.803	
4.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	70.000	57.244	
4.3	Kinh doanh khác	"	4.200	819	
5	<b>Chi phí vận chuyển, bốc xếp bán hàng thuê ngoài</b>	Tr.đồng	823.885	691.153	84%
5.1	Kinh doanh than	"	819.885	691.153	
5.2	Kinh doanh khác	"	4.000		
6	<b>Giá trị sản xuất tính lương (trừ chi phí V/chuyên, bốc xếp bán hàng thuê ngoài)</b>	Tr.đồng	623.092	572.713	92%
6.1	Kinh doanh than	"	553.092	514.650	
6.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	70.000	58.063	
7	<b>Tổng chi phí SXKD trong kỳ:</b>	Tr.đồng	1.317.177	1.142.394	87%
7.1	Chi phí trung gian:		1.103.542	932.334	
	<i>Tr.đó: Chi phí V/C, BX bán thuê ngoài:</i>		823.885	691.153	
7.2	Giá trị gia tăng (GDP):		213.635	210.060	
	- Khấu hao tài sản	"	6.303	7.875	
	- Tiền lương		191.632	175.672	
	+ Quỹ lương người lao động	"	188.432	172.949	
	+ Quỹ lương viên chức quản lý	"	3.200	2.723	
	- Bảo hiểm, thù lao HĐQT, BKS	"	10.700	16.605	
	- Thuế (trong giá thành)	"	5.000	9.909	
8	<b>Lợi nhuận:</b>	Tr.đồng	130.000	121.472	93%
9	<b>Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương</b>	Tr.đồng			
9.1	Đơn giá tiền lương: (đồng/1.000đ GTSX thuần)	đ/1000đ	302	302	100%
9.2	Lao động bình quân	Người	617	617	100%
	<i>Trong đó: Người lao động</i>	<i>Người</i>	<i>611</i>	<i>611</i>	
	<i>Viên chức quản lý (VCQL)</i>	<i>Người</i>	<i>6</i>	<i>6</i>	
9.3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th			
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	25.882.000	23.727.000	92%
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	25.700.000	23.588.224	92%
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	44.444.000	37.819.444	85%
10	<b>Nộp ngân sách:</b>	Tr.đồng	Theo QĐ	1.502.404	
11	<b>Đầu tư XDCB</b>	Tr.đồng	28.989	28.989	100%
12	<b>Tỷ lệ trả cổ tức</b>	%/VĐL	≥ 20	≥ 20	100%

## 1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>		
1.1	Than nhập khẩu	Tấn	5.500.000
1.2	Than tiêu thụ, trong đó:	Tấn	15.013.000
	- Than pha trộn giao TKV để bán hộ Điện	Tấn	12.454.000
	- Than giao lại TKV để bán hộ Đạm	Tấn	268.000
	- Than tự doanh	Tấn	761.000
	- Than nhập khẩu bán cho các đơn vị pha trộn	Tấn	1.530.000
<b>2</b>	<b>Doanh thu tổng số:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>33.075.097</b>
2.1	Doanh thu than	"	32.998.097
2.2	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	70.000
2.3	Doanh thu kinh doanh khác	"	7.000
<b>3</b>	<b>Giá vốn mua vào của hàng bán ra</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>31.581.425</b>
3.1	Kinh doanh than	"	31.578.625
3.2	Kinh doanh khác	"	2.800
<b>4</b>	<b>Giá trị sản xuất</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.493.672</b>
4.1	Kinh doanh than	"	1.419.472
4.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	70.000
4.3	Kinh doanh khác	"	4.200
<b>5</b>	<b>Chi phí vận chuyển, bốc xếp bán hàng thuê ngoài</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>805.150</b>
5.1	Kinh doanh than	"	805.150
5.2	Kinh doanh khác	"	0
<b>6</b>	<b>Giá trị sản xuất tính lương (trừ chi phí vận chuyển, bốc xếp bán hàng thuê ngoài)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>688.522</b>
6.1	Kinh doanh than	"	614.322
6.2	Kinh doanh khác	"	74.200
<b>7</b>	<b>Tổng chi phí SXKD trong kỳ:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.357.189</b>
7.1	Chi phí trung gian:		962.254
7.2	Chi phí tài chính:		178.771
7.3	Giá trị gia tăng (GDP):		216.164
	- Khấu hao tài sản	"	9.484
	- Tiền lương		179.210
	+ Quỹ lương người lao động	"	176.627
	+ Quỹ lương viên chức quản lý	"	2.583
	- Bảo hiểm, thù lao HDQT, BKS	"	16.670
	- Thuế (trong giá thành)	"	10.800
<b>8</b>	<b>Tổng lợi nhuận:</b>		<b>136.483</b>
<b>9</b>	<b>Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương</b>		

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
9.1	Đơn giá tiền lương: (đ/1.000đ GTSX không gồm thuê ngoài)	đ/1000đ	257
9.2	Lao động bình quân	Người	586
	<i>Trong đó: Người lao động</i>	<i>Người</i>	<i>581</i>
	<i>Viên chức quản lý (VCQL)</i>	<i>Người</i>	<i>5</i>
9.3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	25.478.000
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	25.327.000
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	43.054.000
10	Nộp ngân sách:	Theo qui định hiện hành	
11	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	12.353
12	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VĐL	≥ 10

### 1.3. Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026:

Thực hiện theo Công văn số 7220/TKV-ĐT ngày 15/12/2025 của TKV về việc: Thông báo kế hoạch đầu tư năm 2026 với tổng giá trị đầu tư giao thực hiện trong năm là 12,353 tỷ đồng (chi tiết theo Công văn 7220/TKV-ĐT đính kèm)

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2025; Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025.

2.1. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2025 với các chỉ tiêu chính sau:

- Tổng tài sản : 3.319.947.733.251 đồng
- Tổng nguồn vốn : 3.319.947.733.251 đồng

*Trong đó:*

- + Vốn đầu tư của Chủ sở hữu : 150.000.000.000 đồng (Vốn điều lệ)
- + Vốn khác của Chủ sở hữu : 2.794.582.335 đồng
- + Quỹ đầu tư phát triển : 277.364.211.241 đồng
- + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 440.948.563.899 đồng

2.2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025, cụ thể:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2025	121.472.014.165
II	Chi phí loại trừ không được tính vào chi phí tính thuế	81.382.192.335
1	Các khoản chi phí loại trừ	5.627.324.503
2	Chi phí tài chính vượt theo NĐ 68/NĐ – CP năm 2025	75.754.867.832
III	Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN năm 2025	202.854.206.500
IV	Thuế TNDN (20%)	40.570.841.300
	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2025	80.901.172.865
	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 chuyển sang	360.047.391.034
V	Lợi nhuận sau thuế TNDN đến hết 2025	440.948.563.899
VI	Phân phối lợi nhuận	

1	Trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu (28,42%)	42.630.000.000
	Trong đó: - Cổ phần nhà nước	28.749.672.000
	- Cổ phần phổ thông	13.880.328.000
2	Lợi nhuận còn lại năm 2025 phân phối tiếp	38.271.172.865
A	Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế 2025)	24.270.351.860
B	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo xếp loại C (1 tháng lương thực hiện)	14.000.821.005
	- Quỹ khen thưởng 50%	7.000.410.503
	- Quỹ phúc lợi 50%	7.000.410.502
C	Trích thưởng quỹ viên chức quản lý (không trích)	-
D	Lợi nhuận còn lại năm 2025 chưa phân phối	-
E	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau	360.047.391.034

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2025; Kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2026.

3.1. Thông qua mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, BKS năm 2025:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin ngày 28 tháng 4 năm 2025, mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2025 như sau:

T	Chức danh	Số người	Mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty
1	Chủ tịch HĐQT (thời gian làm việc 12 tháng)	01	5.140.000 đồng/tháng x 12 tháng = 61.680.000 đồng
2	Thành viên HĐQT (thời gian làm việc 12 tháng)	03	4.380.000 đồng/tháng x 12 tháng x 03 người = 157.680.000 đồng
3	Thành viên HĐQT độc lập (thời gian làm việc 12 tháng)	01	21.900.000 đồng/tháng x 12 tháng = 262.800.000 đồng
4	Trưởng Ban kiểm soát (hoạt động chuyên trách)	01	(Hưởng lương chuyên trách theo hướng dẫn tại Quyết định số 1471/QĐ-TKV ngày 14/8/2024 và từ Quỹ lương viên chức quản lý của Công ty)
5	Thành viên BKS (thời gian làm việc 12 tháng)	02	4.380.000 đồng/tháng x 12 tháng x 02 người = 105.120.000 đồng
6	Thư ký Công ty (thời gian làm việc 12 tháng)	01	4.380.000 đồng/tháng x 12 tháng = 52.560.000 đồng

Tổng số tiền thù lao được hưởng của năm 2025 là: 639.840.000 đồng.



3.2. Thông qua kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2026, cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty
1	Chủ tịch HĐQT	01 người	25.700.000 đ x 20% = 5.140.000 đồng
2	Thành viên HĐQT	03 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
3	Thành viên HĐQT độc lập	01 người	21.900.000 đồng/tháng (Hưởng phụ cấp theo QĐ 1803/QĐ-TKV ngày 28/12/2021)
4	Trưởng Ban kiểm soát	01 người	(Hưởng lương chuyên trách theo hướng dẫn tại Quyết định số 1471/QĐ-TKV ngày 14/8/2024 và từ Quỹ lương viên chức quản lý của Công ty), không có thù lao
5	Thành viên BKS	02 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
6	Thư ký Công ty	01 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng

Tổng mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2026 dự kiến là: 639.840.000 đồng

**Điều 4:** Thông qua Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025, kế hoạch kiểm tra, kiểm soát, giám sát năm 2026.

Đại hội đánh giá nội dung Báo cáo là đúng, sát thực và chỉ ra những vấn đề trọng tâm, một số tồn tại sau khi kiểm toán của Công ty cần được chỉnh sửa cho phù hợp.

**Điều 5:** Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2026.

Đại hội nhất trí lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF – TTG là Công ty kiểm toán nằm trong danh sách được Bộ Tài Chính công nhận đủ điều kiện kiểm toán chấp nhận toàn phần cho các Công ty niêm yết để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2026

**Điều 6:** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty năm 2025.

Đại hội đánh giá cao hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; việc quản lý, điều hành Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, TKV và Điều lệ Công ty, bảo đảm ổn định và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025.

**Điều 7: Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua:

1. Miễn nhiệm tư cách Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 đối với ông Nguyễn Minh Hải và ông Trần Đạo theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Bầu bổ sung 02 (hai) Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 theo phương thức bầu dồn phiếu, từ danh sách ứng viên do cổ đông/nhóm cổ đông đề cử hợp lệ, gồm: Ông Hoàng Minh Long; Ông Võ Khắc Nghiêm

3. Kết quả bầu cử như sau:

- Ông ..... trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027, với số phiếu ....., tương ứng .....% tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ;

- Ông..... trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027, với số phiếu ....., tương ứng .....% tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ.

**Điều 8:** Thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp, cổ đông lớn và người có liên quan trong năm 2026

Để linh hoạt và tận dụng được các cơ hội kinh doanh trên thị trường, Đại hội nhất trí thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp, cổ đông lớn và người có liên quan trong năm 2026

**Điều 9:** Thông qua việc giao cho HĐQT được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2026 và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường, môi trường kinh doanh và quá trình triển khai thực hiện công tác đầu tư xây dựng.

Đại hội nhất trí giao cho HĐQT được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2026 và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường, môi trường kinh doanh và quá trình triển khai thực hiện công tác đầu tư xây dựng.

**Điều 10:** Điều khoản thi hành

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin năm 2026 biểu quyết thông qua toàn văn và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

- Các cổ đông, thành viên HĐQT Công ty, thành viên Ban kiểm soát Công ty, các phòng ban và đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

**Nơi nhân:**

- Sở GDCKHN, VSD;
- Các cổ đông (TKV, khác);
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Các phòng TMB; KTNB; Pháp chế;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Văn phòng TH (Đăng trang Website),
- Lưu VT, Thư ký Cty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Trần Đạo**

Hanoi, April 28<sup>th</sup> 2026.

DRAFT

RESOLUTION

ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2026  
VINACOMIN - NORTHERN COAL TRADING JOINT STOCK COMPANY

ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2026  
VINACOMIN - NORTHERN COAL TRADING JOINT STOCK COMPANY

Pursuant to the Law on Enterprises 2020 and its guiding documents;  
Pursuant to the Law on Securities 2019 and its guiding documents;  
Pursuant to the Charter of VINACOMIN - NORTHERN COAL TRADING JOINT STOCK COMPANY;

Pursuant to the Minutes of the Annual General Meeting of Shareholders 2025 of the Company on 2026-04-28;

RESOLVES:

**Article 1: Approve the Report of the Chief Executive Officer on the results of production and business activities in 2025 and the production and business plan for 2026, with the main contents as follows:**

1.1 Production and business results in 2025:

No.	Indicator	Unit	Plan year 2025	Actual 2025	Actual /Plan (%)
1	Production Volume				
1.1	Imported coal	Tons	6,700,000	4,130,926	62
1.2	Coal sales volume, including:	Tons	15,591,000	13,855,020	89
	- Blended coal delivered to TKV for on-behalf sales to power plants	Tons	12,781,000	11,827,907	
	- Coal redelivered to TKV for on-behalf sales to fertilizer plants and others	Tons	250,000	227,011	
	- Self-operated coal sales	Tons	1,000,000	983,133	
	- Imported coal sold to blending units	Tons	1,560,000	819,969	
2	Total revenue	VND million	42,192,653	30,187,224	72



2.1	Coal sales revenue		42,115,863	30,109,963	
2.2	Entrusted service revenue (large-volume contracts)		70,000	57,244	
2.3	Other business revenue		6,790	20,016	
3	Cost of goods sold	VND million	40,745,476	28,923,358	71
3.1	Coal trading		40,742,886	28,917,715	
3.2	Other business activities		2,590	5,642	
4	Gross profit	VND million	1,447,177	1,263,866	87
4.1	Coal trading		1,372,977	1,205,803	
4.2	Entrusted coal delivery services (large-volume)		70,000	57,244	
4.3	Other business activities		4,200	819	
5	Outsourced transportation and handling expenses	VND million	823,885	691,153	84
5.1	Coal trading		819,885	691,153	
5.2	Other business activities		4,000		
6	Production value for payroll calculation	VND million	623,092	572,713	92
6.1	Coal trading		553,092	514,650	
6.2	Entrusted coal delivery services (large-volume)		70,000	58,063	
7	Total expenses	VND million	1,317,177	1,142,394	87
7.1	Intermediate costs:		1,103,542	932,334	
	Of which: Outsourced transportation and handling (loading/unloading) costs:		823,885	691,153	
7.2	<b>Value added (GDP):</b>		213,665	210,060	
	Depreciation of fixed assets		6,303	7,875	
	Salaries and wages		191,632	175,672	
	Employee payroll fund		188,432	172,949	
	Management payroll fund		3,200	2,723	
	Insurance expenses; remuneration of the Board of Directors and the Supervisory Board		10,700	16,605	
	Taxes (included in cost of production)		5,000	9,909	
8	Profit	VND million	130,000	121,472	93
9	Labor and salary indicators				
9.1	Average number of employees	Persons	617	617	100
9.2	Average monthly salary	VND/person/month	25,882,000	23,727,000	92
10	State budget contributions:		As prescribed	1,502,404	

11	Capital construction investment	VND million	28,989	28,989	100
12	Dividend payout ratio	% of charter capital	≥ 20	≥ 20	100

### 1.2. Production and Business Plan for 2026

No.	Indicator	Unit	Plan year 2026
1	Production Volume		
1.1	Imported coal	Tons	5,500,000
1.2	Coal sales volume, including:	Tons	15,013,000
	- Blended coal delivered to TKV for on-behalf sales to power plants	Tons	12,454,000
	- Coal redelivered to TKV for on-behalf sales to fertilizer plants and others	Tons	268,000
	- Self-operated coal sales	Tons	761,000
	- Imported coal sold to blending units	Tons	1,530,000
2	Total revenue	VND million	33,075,097
2.1	Coal sales revenue		32,998,097
2.2	Entrusted service revenue (large-volume contracts)		70,000
2.3	Other business revenue		7,000
3	Cost of goods sold	VND million	31,581,425
3.1	Coal trading		31,578,625
3.2	Other business activities		2,800
4	Gross profit	VND million	1,493,672
4.1	Coal trading		1,419,472
4.2	Entrusted coal delivery services (large-volume)		70,000
4.3	Other business activities		4,200
5	Outsourced transportation and handling expenses	VND million	805,150
5.1	Coal trading		805,150
5.2	Other business activities		0
6	Production value for payroll calculation	VND million	688,522
6.1	Coal trading		614,322
6.2	Entrusted coal delivery services (large-volume)		74,200
7	Total expenses	VND million	1,357,189
7.1	Intermediate costs:		962,254
7.2	Financial expenses		178,771
7.3	<b>Value added (GDP):</b>		216,164
	Depreciation of fixed assets		9,484

	Salaries and wages		179,210
	Employee payroll fund		176,627
	Management payroll fund		2,583
	Insurance expenses; remuneration of the Board of Directors and the Supervisory Board		16,670
	Taxes (included in cost of production)		10,800
8	Profit	VND million	136,483
9	Labor and salary indicators		
9.1	Average number of employees	Persons	586
9.2	Average monthly salary	VND/person/month	25.478.000
10	State budget contributions:		As prescribed
11	Capital construction investment	VND million	12,353
12	Dividend payout ratio	% of charter capital	≥ 10

### 1.3. Investment and Construction Plan for 2026:

To be implemented in accordance with Official Letter No. 7220/TKV-ĐT dated 15 December 2025 issued by Vietnam National Coal and Mineral Industries Group (TKV) regarding the notification of the 2026 investment plan, with a total assigned investment value for implementation in the year amounting to VND 12.353 billion (details are provided in the attached Official Letter No. 7220/TKV-ĐT).

### Article 2: Approval of the Audited Financial Statements for 2025; Profit Distribution Plan, Appropriation of Funds, and Dividend Payout Ratio for 2025

2.1. Approval of the Audited Financial Statements for 2025 with the following key figures:

- Total assets: 3.319.947.733.251 VND
- Total equity and liabilities: 3.319.947.733.251 VND

Of which:

- Owner's contributed capital: 150,000,000,000 VND (charter capital)
- Other capital of the owner: 2.794.582.335 VND
- Investment and development fund: 277.364.211.241 VND
- Undistributed after-tax profit: 440.948.563.899 VND

2.2. Approval of the profit distribution plan, appropriation of funds, and dividend payout ratio for 2025, specifically as follows:

No	Description	A Mount (VND)
I	Total profit before tax for 2025	121,472,014,165
II	Non-deductible expenses for corporate income tax purposes	81,382,192,335
1	Provisionally disallowed expenses	5,627,324,503
2	Excess financial expenses under Decree No. 68/2020/NĐ-CP	75,754,867,832
III	Taxable income for corporate income tax (CIT) in 2025	202,854,206,500
IV	Corporate income tax (20%)	40,570,841,300

	Retained earnings for 2025	80,901,172,865
	Retained earnings brought forward from 2024	360,047,391,034
V	Total profit after corporate income tax as at end of 2025	440,948,563,899
VI	Profit distribution	
1	Dividend payment to existing shareholders (28,42% of charter capital)	42,630,000,000
	Of which: State-owned shares	28,749,672,000
	Ordinary shares	13,880,328,000
2	Remaining profit of 2025 for further distribution	38,271,172,865
A	Appropriation to Development Investment Fund (30% of profit after tax for 2025)	24,270,351,860
B	Appropriation to Bonus and Welfare Fund (Grade C classification)	14,000,821,005
	- Bonus Fund (50%)	7,000,410,503
	- Welfare Fund (50%)	7,000,410,502
C	Bonus for management executives (1.5 months' salary = $3,498,873,505 \times 1.5/12$ )	-
D	Remaining undistributed profit for 2025	-
E	Retained earnings carried forward to the following year	360,047,391,034

**Article 3: Approval of the report on remuneration, salaries and other benefits for the Board of Directors, the Supervisory Board and the Company Secretary in 2025; and the plan for remuneration, salaries and other benefits for the Board of Directors, the Supervisory Board and the Company Secretary in 2026.**

3.1. Approval of remuneration, salaries and other benefits for members of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2025:

Pursuant to the Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Northern Coal Trading Joint Stock Company – Vinacomin dated 28 April 2025, the remuneration, salaries and other benefits for the Board of Directors, the Supervisory Board and the Company Secretary in 2025 are as follows:

No.	Position	Number of people	Remuneration, Salary, and Other Benefits for the Board of Directors, Supervisory Board, and Company Secretary
1	Chairman of the Board of Directors (working time 12 months)	01	5,140,000 VND/month x 12 months = 61,680,000 VND
2	Member of the Board of Directors (working time 12 months)	03	4,380,000 VND/month x 12 months x 3 people = 157,680,000 VND

3	Independent Member of the Board of Directors (working time 12 months)	01	21,900,000 VND/month x 12 months = 262,800,000 VND
4	Head of the Supervisory Board (full-time)	01	(Receiving full-time salary in accordance with the guidance under Decision No. 1471/QĐ-TKV dated August 14, 2024, and from the Company's management salary fund.)
5	Member of the Supervisory Board (working time 12 months)	02	4,380,000 VND/month x 12 months x 2 people = 105,120,000 VND
6	Company Secretary (working time 12 months)	01	4,380,000 VND/month x 12 months = 52,560,000 VND

Total remuneration for 2025 amounts to: VND 639,840,000.

3.2. Approval of the plan for remuneration, salaries and other benefits for the Board of Directors, the Supervisory Board and the Company Secretary in 2026, specifically as follows:

No.	Position	Number of people	Remuneration, Salary, and Other Benefits for the Board of Directors, Supervisory Board, and Company Secretary
1	Chairman of the Board of Directors	01	25,700,000 VND x 20% = 5,140,000 VND/month
2	Member of the Board of Directors	03	21,900,000 VND x 20% = 4,380,000 VND/month
3	Independent Member of the Board of Directors	01	21,900,000 VND/month (Receiving allowance according to the guidance in Decision No. 1803/QĐ-TKV dated 2021-12-28)
4	Head of the Supervisory Board (full-time)	01	(Receiving full-time salary in accordance with the guidance under Decision No. 1471/QĐ-TKV dated August 14, 2024, and from the Company's management salary fund.)
5	BKS Member	02	21,900,000 VND x 20% = 4,380,000 VND/month
6	Company Secretary	01	21,900,000 VND x 20% = 4,380,000 VND/month

The total planned remuneration, salaries and other benefits for the Board of Directors, the Supervisory Board and the Company Secretary in 2026 are estimated at: VND 639,840,000.

**Article 4: Approval of the Supervisory Board's appraisal report on the Company's business performance, the audited Financial Statements for 2025; the Supervisory Board's performance report for 2025, and the inspection, control and supervision plan for 2026.**

The General Meeting of Shareholders assessed that the reports are accurate, objective and highlight key issues; certain matters identified after the audit require appropriate adjustments.

**Article 5: Approval of the selection of the auditing firm to audit the Company's Financial Statements for 2026.**

The General Meeting of Shareholders approved the selection of PKF – TTG Auditing and Consulting Company Limited, which is included in the list of audit firms approved by the Ministry of Finance to provide full-scope audit services for listed companies, to audit the Company's Financial Statements for 2026.

**Article 6: Approval of the report on the performance of the Board of Directors in 2025.**

The General Meeting of Shareholders highly appreciated the performance of the Board of Directors in 2025; the management and administration of the Company complied with applicable laws, regulations of TKV and the Company's Charter, ensuring stability and efficiency in business operations.

The General Meeting of Shareholders unanimously approved the report on the performance of the Board of Directors in 2025.

**Article 7: Approval of the dismissal and election of additional Members of the Board of Directors for the 2022 – 2027 term**

The General Meeting of Shareholders hereby approves:

1. The dismissal of Mr. Nguyen Minh Hai and Tran Dao from his position as a Member of the Board of Directors for the 2022 – 2027 term, as proposed by the Board of Directors.
2. The election of 02 (two) additional Members of the Board of Directors for the 2022 – 2027 term by cumulative voting, from the list of candidates duly nominated by shareholders/shareholder groups, including: Mr. Hoàng Minh Long and Mr. Võ Khắc Nghiêm.
3. The election results are as follows:
  - Mr Vo Khac Nghiem is elected as a Member of the Board of Directors for the 2022 – 2027 term, with ..... votes, representing .....% of the total valid votes;
  - Mr Hoang Minh Long is elected as a Member of the Board of Directors for the 2022 – 2027 term, with ..... votes, representing .....% of the total valid votes.

**Article 8: Approval of contracts and transactions between the Company and related parties, major shareholders and their affiliated persons in 2026.**

In order to ensure flexibility and take advantage of business opportunities in the market, the General Meeting of Shareholders approved the contracts and transactions between the Company and related parties, major shareholders and their affiliated persons in 2026.

**Article 9: Approval of the authorization for the Board of Directors to proactively adjust the 2026 business and production plan and the 2026 investment and construction plan in accordance with TKV's coordinated business plan, in line with actual market developments, business environment and the implementation of investment and construction activities.**

The General Meeting of Shareholders unanimously authorizes the Board of Directors to proactively decide on adjustments to the 2026 production and business plan and the 2026 capital investment plan in accordance with TKV's coordinated business plan, ensuring alignment with actual market developments, the business environment, and the implementation progress of investment and construction activities.



### **Article 10: Implementation Provisions**

- This Resolution was fully approved by the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Northern Coal Trading Joint Stock Company – Vinacomin and takes effect from the date of approval.

- Shareholders, members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, and all departments and affiliated units of the Company are responsible for implementing this Resolution in accordance with their respective functions and duties, in compliance with applicable laws and the Company's Charter.

#### ***Recipients:***

- Hanoi Stock Exchange (HNX), Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC);
- Shareholders (Vietnam National Coal - Mineral Industries Holding Corporation Limited and others);
- Members of the Board of Directors and the Supervisory Board;
- TMB departments; Internal Audit; Legal Department;
- Affiliated units;
- General Affairs Office (for website publication);
- Archived at Administration Office and Company Secretary.

**ON BEHALF OF THE BOARD OF  
DIRECTORS  
CHAIRMAN**

**Tran Dao**